

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày: 24-11-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thanh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc V - Chuyên viên quản lý nợ Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh tỉnh Ninh Thuận. (Theo Giấy ủy quyền số 1911A/2020/GUQ-PL ngày 26-6-2020 và số 142/2020/GUQ-CNNT ngày 18-9-2020) (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị Tuyết D, sinh năm: 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11 L, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-9-2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc V trình bày:

Ngày 20-3-2013, bà Phan Thị Tuyết D có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Phan Thị Tuyết D, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng nội địa Family với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất 2.5%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Phan Thị Tuyết D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.310.002 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Do bà Phan Thị Tuyết D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22-11-2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 21.638.655 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 24-11-2021, bà Phan Thị Tuyết D còn nợ Ngân hàng số tiền 90.854.487 đồng. Trong đó, nợ gốc là 21.638.655 đồng, nợ lãi quá hạn là 69.215.832 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Phan Thị Tuyết D phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 24-11-2021 là 90.854.487 đồng (Trong đó, nợ gốc là 21.638.655 đồng, nợ lãi quá hạn là 69.215.832 đồng) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 25-11-2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Phan Thị Tuyết D vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường K, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm được quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Phan Thị Tuyết D đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ bà D đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20-3-2013 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thu nhập của bà D. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà D với hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000 đồng, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Chủ thẻ ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20-3-2013 được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

[2.2] Về mức lãi suất: Ngân hàng áp dụng mức lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2.5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mặc dù mức lãi suất không quy định cụ thể trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tuy nhiên Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng, bà D đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi từ ngày ký hợp đồng đến ngày 22-9-2014 mà không khiếu nại gì. Xét thấy mức lãi suất Ngân hàng áp dụng để tính lãi nợ vay của bà D là sự thỏa thuận giữa hai bên phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng

nên chấp nhận.

[2.3] Về phí dịch vụ thẻ: Tại Điều 6 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15-5-2007 về việc ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng quy định:

“1. Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ. Loại phí và mức phí do TCPHT quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng, dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng khi sử dụng thẻ và không trái với quy định của pháp luật.

2. Các loại phí và mức phí khác liên quan đến dịch vụ thẻ do TCPHT, TCTTT, ĐVCNT, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bù trừ giao dịch thẻ và tổ chức chuyển mạch thẻ phải trả hoặc được trả do các bên liên quan thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật.

3. TCPHT, TCTTT phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ.”

Như vậy, căn cứ Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định cụ thể về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ, căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng với bị đơn thì các loại phí do Ngân hàng áp dụng đối với hợp đồng tín dụng đã được thỏa thuận giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ thu nhập của bà D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 20.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.310.002 đồng. Sau khi trừ hết các khoản theo quy định trong quá trình sử dụng thẻ thì bà D còn nợ số tiền gốc là 21.638.655 đồng.

[2.5] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi: Bà D sử dụng thẻ từ tháng 4-2013 đến tháng 8-2014 có thanh toán đều cho Ngân hàng, nhưng đến tháng 9-2014 bà D ngưng thanh toán. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà D không có thiện chí trả nợ. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22-11-2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 21.638.655 đồng là 3.75% (150% lãi suất trong hạn theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 24-11-2021, số tiền lãi quá hạn là 69.215.832 đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15-5-2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định như sau: *“Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ”* và quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: *“Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ”*.

Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của

chủ thẻ.

Xét Thông báo về việc thay đổi lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng từ ngày 23-5-2012 đến nay mức lãi suất được áp dụng là 2.5%/tháng không thay đổi. Ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, với mức lãi suất quá hạn 3.75%/tháng (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Theo công văn số 318/NTH ngày 24-8-2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận về việc cung cấp thông tin xử lý tranh chấp hợp đồng tín dụng cho biết *“Quyền và nghĩa vụ của khách hàng và ngân hàng cũng như cách tính lãi đã được quy định rõ trong điều khoản, điều kiện phát hành thẻ tín dụng kèm theo hợp đồng sử dụng thẻ. Vì vậy, mức lãi suất và cách tính lãi cho vay trong hoạt động cấp tín dụng do ngân hàng và khách hàng thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật”*.

Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã áp dụng mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và cách tính các khoản lãi dựa vào các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng đối với khách hàng là phù hợp các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Phan Thị Tuyết D phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 24-11-2021 là 90.854.487 đồng (Trong đó, nợ gốc là 21.638.655 đồng, nợ lãi quá hạn là 69.215.832 đồng) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 25-11-2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc bà Phan Thị Tuyết D phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 24-11-2021 là 90.854.487 đồng (chín mươi triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó, nợ

gốc là 21.638.655 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 69.215.832 đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm mười lăm ngàn tám trăm ba mươi hai đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị Tuyết D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20-3-2013 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ vay. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết D phải chịu 4.543.000 đồng (bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.978.500 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0023070 ngày 11-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trần Long